

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Số: 04 /CV-TASA DH - 2014

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
Quý IV/2013)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614.018. FAX: 0313.614.016

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý IV/2013	Quý IV/2012	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.500.169.494	5.493.567.329	1.006.602.165	18,32%
Giá vốn hàng bán	5.401.584.893	4.404.403.792	997.181.101	22,64%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.098.584.601	1.089.163.537	9.421.064	0,86%
Doanh thu hoạt động tài chính	6.089.198.051	8.857.999.258	(2.768.801.207)	-31,26%
Chi phí tài chính	306.347.093	43.074.498	263.272.595	611,20%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	660.467.924	628.411.421	32.056.503	5,10%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.223.967.635	9.275.676.876	(3.051.709.241)	-32,90%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.963.324.905	9.201.980.245	(3.238.655.340)	-35,20%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý IV/2013 giảm 35,2% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân :

+ Khoản mục doanh thu tài chính giảm 31.26% so cùng kỳ do Lợi nhuận quý IV/2013 của các công ty con nộp lên Công ty Mẹ thấp hơn quý IV/2012 vì một số khoản chi các công ty con đã hạch toán trong năm 2011 được hạch toán giảm vào quý IV/2012 nên lợi nhuận sau thuế quý IV/2012 cao hơn quý IV/2013.

+ Chi phí tài chính tăng 611.2% so cùng kỳ do Quý IV/2013 Công ty Mẹ phải đi vay vốn để cho các Công ty con vay, quý IV/2012 không phát sinh chi phí này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Chí Hùng



CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2013

Tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2013

STT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013</i>	1-2
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2013</i>	3
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV năm 2013</i>	4
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV năm 2013</i>	5-22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44,754,921,661	58,512,605,266
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8,537,301,384	4,914,169,156
1. Tiền	111	V.01	8,537,301,384	4,914,169,156
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,059,500,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	16,059,500,000	
III. Các khoản phải thu	130	V.02	6,611,223,497	42,139,598,486
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	2,639,055,071	2,766,774,932
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	100,000,000	270,132,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.05	3,872,168,426	39,102,691,554
IV. Hàng tồn kho	140		4,836,144,606	7,410,634,953
1. Hàng tồn kho	141	V.06a	5,473,524,606	7,410,634,953
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.06b	(637,380,000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,710,752,174	4,048,202,671
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		18,100,727	
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152		309,668,935	351,677,802
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,462,982,512	3,696,524,869
4. Tiền đặt cọc	159		4,920,000,000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162,844,977,388	131,767,374,383
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8,144,636,264	9,629,644,696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8,144,636,264	9,629,644,696
- Nguyên giá	222		13,963,286,755	14,051,961,306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,818,650,491)	(4,422,316,610)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		154,195,120,074	122,095,120,074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.08	128,595,120,074	122,095,120,074
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25,600,000,000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		505,221,050	42,609,613
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	505,221,050	42,609,613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207,599,899,049	190,279,979,649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21,349,330,143	13,867,714,125
I. Nợ ngắn hạn	310		20,999,330,143	12,731,714,125
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	16,951,737,376	939,163,418
2. Phải trả người bán	312	V.11	1,554,790,974	1,129,052,912
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	679,386,353	679,386,353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	263,720,730	166,489,718
4. Phải trả công nhân viên	315		83,557,520	75,020,800
5. Chi phí phải trả	316	V.14	20,333,333	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	1,403,081,790	9,123,744,343
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		42,722,067	618,856,581
II. Nợ dài hạn	320		350,000,000	1,136,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	324	V.16		1,136,000,000
3. Phải trả dài hạn khác	328		350,000,000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186,250,568,906	176,412,265,524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	186,250,568,906	176,412,265,524
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,700,000,000	128,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	9,615,359,500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2,524,789,900)	(982,776,400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		225,534,038	177,909,956
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		50,234,465,268	38,901,772,468
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207,599,899,049	190,279,979,649

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2013

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
				Năm 2013	Năm 2012	Năm nay	Năm trước
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	6,500,169,494	5,493,567,329	23,790,107,097	21,060,752,439
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
	+ Hàng bán bị trả lại					-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,500,169,494	5,493,567,329	23,790,107,097	21,060,752,439
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.19	5,401,584,893	4,404,403,792	20,217,221,126	17,044,392,802
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,098,584,601	1,089,163,537	3,572,885,971	4,016,359,637
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	6,089,198,051	8,857,999,258	27,934,816,357	36,270,428,320
7	Chi phí tài chính	22	VI.21	306,347,093	43,074,498	906,195,194	392,956,544
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		306,347,093	43,073,333	906,195,194	391,598,993
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		660,467,924	628,411,421	2,587,159,182	2,487,499,736
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,220,967,635	9,275,676,876	28,014,347,952	37,406,331,677
11	Thu nhập khác	31		3,000,000		3,000,000	
12	Chi phí khác	32				-	
13	Lợi nhuận khác	40		3,000,000		3,000,000	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,223,967,635	9,275,676,876	28,017,347,952	37,406,331,677
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	260,642,730	105,280,902	746,480,412	288,630,799
16	Chi phí thuế TNDN giảm				31,584,271		86,589,240
17	Chi phí thuế TNDN phải nộp	52		260,642,730	73,696,631		202,041,559
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,963,324,905	9,201,980,245	27,270,867,540	37,204,290,118

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25,844,016,712	23,047,668,645
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(24,351,624,596)	(24,233,719,675)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,036,366,501)	(940,190,799)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(401,819,570)	(378,006,822)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(612,856,463)	(128,344,928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	71,865,775,660	116,976,292,149
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66,454,460,141)	(112,781,012,021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,852,665,101	1,562,686,549
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24,145,454)	(45,611,818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64,465,790,178)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48,918,046,883	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6,500,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30,022,821,789	20,489,186,813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7,950,933,040	20,443,574,995
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	(1,509,013,500)	(982,776,400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27,365,492,017	5,239,109,140
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19,275,443,405)	(10,523,356,367)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15,761,501,025)	(11,521,530,809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9,180,465,913)	(17,788,554,436)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3,623,132,228	4,217,707,108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,914,169,156	696,462,048
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8,537,301,384	4,914,169,156

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



27 tháng 01 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá ; Cho thuê container ;
- Cho thuê xe có động cơ.

Công ty có các Công ty con sau :

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 11 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng
Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.
Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng
Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.
Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

200
CỘNG
ĐỒNG
VÀ
PHỤ
DUY
N.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	31/12/2013	31/12/2012
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt	715,221,852	1,313,963,501
Tiền gửi ngân hàng	7,822,079,532	3,600,205,655
Cộng	8,537,301,384	4,914,169,156
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2013	31/12/2012
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	7,559,500,000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	7,000,000,000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	1,500,000,000	-
Cộng	16,059,500,000	-
3 Phải thu khách hàng	31/12/2013	31/12/2012
3.1 Phải thu các bên liên quan	663,926,992	1,253,472,250
(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25)		
3.2 Phải thu thương mại	1,975,128,079	1,513,302,682
Công ty LD Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	40,672,750	26,026,330
Công ty TNHH TMDV hàng hoá ANC	93,091,198	4,415,800
Công ty TNHH MTV Tiếp vận và phân phối Phương Đông	74,828,160	124,403,407
CN Công ty TNHH MTV GN Gấu trúc Toàn cầu	38,092,560	24,909,280
CN Công ty CP phát triển Hàng hải tại HP		
Công ty TNHH Mitsui Oskline Việt Nam	19,051,964	60,526,887
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HUB Việt Nam		130,775,923
CN Công ty TNHH MTV VT Tranvanlink VN	16,117,090	45,599,070
Công ty CP PTCN gỗ XK Nam Việt Hoàng	46,400,000	106,400,000
Công ty TNHH TM-DV VT Hà Nội Container	595,000,000	
Công ty TNHH Việt Hàn Plastic	22,224,000	
Công ty TNHH GN VT Cargonet VN	8,828,160	46,355,155
Công ty TNHH TM và tiếp vận toàn cầu Đông Tài	64,468,040	165,053,720
CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	167,511,823	110,750,783
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng		93,741,556
CN Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN - Đại lý hàng hải HP	29,938,028	29,863,595
Công ty CP KDCBLS Xuất khẩu Yên Bái	95,463,340	11,900,000
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	204,559,000	78,960,300
Công ty TNHH DV và VPT Thế giới Chính Phương	76,194,838	76,646,055
Các khách hàng khác	382,687,128	376,974,821
Cộng	2,639,055,071	2,766,774,932

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
4 Trả trước cho người bán		
Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện		110,000,000
Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội	100,000,000	100,000,000
Ông Dò	-	60,000,000
CN Công ty CP Đại lý Hàng hải VN-ĐL Hàng Hải HP	-	132,000
Cộng	<u>100,000,000</u>	<u>270,132,000</u>
5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu khác		
5.1 Phải thu khác	216,093,087	26,111,756,705
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	59,755,556	3,180,000,000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	34,933,333	1,420,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	121,404,198	14,671,148,145
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		588,835,000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội		6,251,773,560
5.2 Phải thu lợi nhuận của các Công ty con	3,562,789,198	12,784,697,414
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	68,804,816	1,346,797,200
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2,135,163,327	5,367,575,900
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	309,545,441	5,171,755,028
Công ty TNHH Container Minh Thành	664,009,899	836,632,398
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	385,265,715	
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		61,936,888
5.3 Phải thu đối tượng khác	93,286,141	206,237,435
Phải thu khác của cán bộ nhân viên	93,286,141	206,237,435
Cộng	<u>3,872,168,426</u>	<u>39,102,691,554</u>
6a Hàng tồn kho		
Hàng tồn kho	5,473,524,606	7,410,634,953
Cộng	<u>5,473,524,606</u>	<u>7,410,634,953</u>
6b Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(637,380,000)	-
Cộng	<u>(637,380,000)</u>	
7 Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)		
8 Các khoản đầu tư vào Công ty con		
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14,503,099,339	14,503,099,339
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32,867,444,563	32,867,444,563
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45,655,576,172	45,655,576,172
- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2,520,000,000	2,520,000,000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	25,550,000,000	25,550,000,000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6,500,000,000	

	- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999,000,000	999,000,000
	Cộng	128,595,120,074	122,095,120,074
9	Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2013	31/12/2012
	Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	505,221,050	42,609,613
	Cộng	505,221,050	42,609,613
10	Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	31/12/2012
	Vay ngắn hạn		
<i>a.</i>	<i>Ngân hàng</i>	2,051,737,376	939,163,418
	Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Đông Hải Phòng ^(1*)	2,051,737,376	939,163,418
<i>b.</i>	<i>Đối tượng khác</i>	14,900,000,000	-
	Đặng Hồng Quân ^(2*)	1,000,000,000	-
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ^(3*)	13,900,000,000	-
	Cộng	16,951,737,376	939,163,418
	<p>(1*). Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2285181.001/2012/HĐTĐ ngày 26/12/2012 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu và 01 xe cần trục bánh lốp TADANA, 01 xe cần trục bánh lốp KATO</p>		
	<p>(2*). Khoản vay của Ông Đặng Hồng Quân theo Hợp đồng vay ngày 05 tháng 02 năm 2013, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tín chấp</p>		
	<p>(3*). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.</p>		
11	Phải trả người bán	31/12/2013	31/12/2012
<i>11.1</i>	<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1,483,953,740	1,038,512,539
	(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25)		
<i>11.2</i>	<i>Phải trả thương mại</i>	70,837,234	90,540,373
	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ	16,500,000	-
	Công ty TNHH TMDV Giao nhận vận tải Tuấn Khôi	2,600,000	-
	Công ty TNHH Heung A VN tại Hải Phòng	25,071,030	21,801,113
	CN Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng Hoá Đường sắt HP		36,784,000
	Công ty Cổ phần Phili Orient Việt Nam	26,636,544	
	Công ty TNHH KMTC(VN) - Cn Hải Phòng	29,660	-
	Các đối tượng khác		31,955,260
	Cộng	1,554,790,974	1,129,052,912
12	Người mua trả tiền trước	31/12/2013	31/12/2012
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657,000,000	657,000,000
	CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	22,386,353	22,386,353
	Cộng	679,386,353	679,386,353

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260,642,730	127,018,781
Thuế khác		
Thuế thu nhập cá nhân	3,078,000	360,000
Thuế GTGT đầu ra		39,110,937
Cộng	263,720,730	166,489,718
14. Chi phí phải trả	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí phải trả	20,333,333	-
Cộng	20,333,333	-
15 Các khoản phải trả phải nộp khác	31/12/2013	31/12/2012
15.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan	84,333,333	8,234,576,767
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải		-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	84,333,333	8,234,576,767
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải		-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải		-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ		-
Công ty TNHH Container Minh Thành		-
15.2 Phải trả phải nộp khác	489,272,835	430,695,212
Thuế TNCN, BHXH của CBCNV	5,477,520	9,434,400
Cổ tức phải trả	445,521,350	375,631,197
Công ty CP Greating Fortune Container Việt Nam		10,000,000
Phải trả phải nộp khác	38,273,965	35,629,615
15.3 Doanh thu chưa thực hiện	295,849,299	295,849,211
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	295,849,299	295,849,211
15.4 Phải trả phải nộp khác	533,626,323	162,623,153
Hoa hồng khách hàng		105,811,579
Quỹ phát triển nhân lực		56,811,574
Trích lập các quỹ của các Công ty con	533,626,323	
Cộng	1,403,081,790	9,123,744,343
16 Vay và nợ dài hạn	31/12/2013	31/12/2012
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*)		1,136,000,000
Cộng	-	1,136,000,000

17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2013	31/12/2012
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78,938,100,000	80,585,480,000
Vốn góp của CBCNV	8,206,170,000	5,218,600,000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41,555,730,000	42,895,920,000
Cộng	128,700,000,000	128,700,000,000

c. Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,870,000	12,870,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,620,000	12,770,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,770,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	250,000	100,000
Cổ phiếu phổ thông	250,000	100,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,620,000	12,770,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,770,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	<i>ĐVT: đồng</i>	
	<u>Quý 4 năm 2013</u>	<u>Quý 4 năm 2012</u>
18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Hải Phòng:</i>		
+ Doanh thu Shiptside	558,594,062	534,899,822
+ Doanh thu khai thác CFS	1,527,121,407	1,573,357,890
+ Doanh thu vận tải	264,952,947	840,999,089
+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	4,149,501,078	2,544,310,528
Cộng	<u>6,500,169,494</u>	<u>5,493,567,329</u>
19 Giá vốn dịch vụ tại khu vực Hải Phòng		
+ Giá vốn Shiptside	556,505,228	534,899,814
+ Giá vốn khai thác CFS	1,527,121,320	1,573,357,893
+ Giá vốn vận tải	203,499,000	779,892,274
+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	3,114,459,345	1,516,253,811
Cộng	<u>5,401,584,893</u>	<u>4,404,403,792</u>
20 Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	6,093,217	3,445,989
- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	5,181,396,716	8,854,553,269
- Chênh lệch tỷ giá	196,598	
- Doanh thu HĐTC khác	901,511,520	
Cộng	<u>6,089,198,051</u>	<u>8,857,999,258</u>
21 Chi phí hoạt động tài chính		
- Chênh lệch tỷ giá	-	1,165
- Chi phí lãi vay	306,347,093	43,073,333
Cộng	<u>306,347,093</u>	<u>43,074,498</u>
22 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,223,967,635	9,275,676,876
2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	5,181,396,716	8,854,553,269
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu		
4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	1,042,570,919	421,123,607
5. Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	260,642,730	105,280,902
7. Số thuế được miễn giảm theo TT 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012		31,584,271
8. Số thuế phải nộp thêm năm 2012 do xác định lại		
9. Thuế TNDN phải nộp quý 4 năm 2013(9=6-7+8)	260,642,730	73,696,631

23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 4 năm 2013	Quý 4 năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	0	
Chi phí khấu hao TSCĐ	345,722,562	341,258,130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,055,862,331	4,063,145,662
Cộng	5,401,584,893	4,404,403,792

24 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp **Tại ngày 31/12/2013**

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	78%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	22%

b. Tỷ suất sinh lợi:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	92%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	3%

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	10%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	12%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	4%

25 Nghiệp vụ với các bên liên quan

25.1 Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn

25.2 Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm;

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
		Số tiền (đồng)

25.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2,219,009,819
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	82,454,249
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2,533,833,948
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	279,966,007
Công ty TNHH thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2,775,102

Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1,110,019,199
Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	9,125,165
Cộng		6,237,183,489
25.2.2 Giá vốn		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	8,822,975,065
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	3,307,831,724
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1,036,120,000
Cộng		13,166,926,789
25.2.3 Doanh thu hoạt động tài chính		Số tiền (đồng)
Lãi cho vay		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lãi vay	308,609,998
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lãi vay	614,849,270
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Lãi vay	723,260,260
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lãi vay	970,963,828
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lãi vay	229,566,666
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Lãi vay	17,053,911
Cộng		2,864,303,933
25.2.4 Lợi nhuận được chia		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	14,594,670,807
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	979,477,861
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	572,141,694
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	4,876,218,107
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	22,913,474
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	3,986,004,363
Cộng		25,031,426,306
25.3 Số dư giao dịch với các bên liên quan		
25.3.1 -Đầu tư ngắn hạn khác	Mối quan hệ	Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	7,559,500,000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con	7,000,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	1,500,000,000
Cộng		16,059,500,000
25.3.2 -Các khoản phải thu		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	9,081,003
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	215,600,000
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	2,600,000
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	436,645,989
Cộng		663,926,992

25.3.3 - Các khoản phải thu khác		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	128,560,372
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	2,170,096,660
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	785,414,097
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	309,545,441
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	385,265,715
Cộng		3,778,882,285
25.3.4 - Đầu tư dài hạn khác		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	15,000,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Công ty con	10,600,000,000
Cộng		25,600,000,000
25.3.5 - Phải trả người bán		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	794,545,106
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	647,344,634
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	42,064,000
Cộng		1,483,953,740
25.3.6 - Người mua trả tiền trước		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	657,000,000
Cộng		657,000,000
25.3.7 - Vay dài hạn		Tại ngày 31/12/2013
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	13,900,000,000
Cộng		13,900,000,000

VII Thông tin khác

26 Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

27 Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

28 Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy



Bùi Chí Hùng

PHỤ LỤC 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	13,847,373,207	173,239,917	14,051,961,306
- Mua trong kỳ					-
- XD/CB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			88,674,551	88,674,551
Số dư cuối kỳ	-	31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		4,353,914	4,321,013,452	96,949,244	4,422,316,610
- Khấu hao trong kỳ		10,449,394	1,423,775,942	22,746,498	1,456,971,834
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-		-	60,637,953	60,637,953
Số dư cuối kỳ	-	14,803,308	5,744,789,394	59,057,789	5,818,650,491
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	26,994,268	9,526,359,755	76,290,673	9,629,644,696
- Tại ngày cuối kỳ 31/12/2013	-	16,544,874	8,102,583,813	25,507,577	8,144,636,264

PHỤ LỤC 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	-	16,632,547,231	155,125,816,687
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					37,204,290,118	37,204,290,118
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác				982,776,400	14,935,064,881	15,917,841,281
						-
2. Số dư cuối năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
3. Số dư đầu năm nay	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ					27,270,867,540	27,270,867,540
Tăng khác			47,624,082			47,624,082
Giảm vốn trong kỳ này						-
Lỗ trong kỳ						-
Giảm khác				1,542,013,500	15,938,174,740	17,480,188,240
						-
4. Số dư cuối kỳ 31/12/2013	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(2,524,789,900)	50,234,465,268	186,250,568,906